

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CĐ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-6-2025

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ- TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thám.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Thành Phương.

Ông Võ Minh Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Tấn Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Tr, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp ĐN, xã TC, huyện CĐ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp ĐN, xã TC, huyện CĐ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 06 tháng 02 năm 2025 nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Tr trình bày: Bà và ông Trần Văn T tổ chức hôn lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện CĐ, tỉnh Long An ngày 20/10/2010, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 148/2010, quyền số 01/2009. Vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Thị Bảo Ngọc, sinh ngày 12/12/2008 và cháu Trần Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/9/2011. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023 đến nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Về con chung bà yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày, nộp đơn đề nghị vắng mặt ngày 22/5/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Ngọc Tr và ông Trần Văn T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TC, huyện CD, tỉnh Long cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 148/2010, quyền số 01/2009 ngày 20/10/2010 nên hôn nhân là hợp pháp.

[1.2] Ông Trần Văn T là bị đơn, hiện nay cư trú tại xã TC, huyện CD nên khi bà Tr có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CD, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.3] Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Tr và bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt cùng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Tr:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tr nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T, theo bà Tr mâu thuẫn đã hai năm không hàn gắn được. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Ông T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến trình bày. Như vậy, ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà Tr và ông T không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc Tr là có căn cứ được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Tr và ông T có hai con chung là cháu Trần Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 08/9/2011 và cháu Trần Thị Bảo Ng, sinh ngày 12/12/2008, hiện nay cháu Bảo và cháu Ngọc đang ở với bà Tr; khi ly hôn bà Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Bảo và cháu Ngọc. Ông T cũng không có ý kiến phản đối việc bà Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và hiện nay cháu Bảo và cháu Ngọc cũng có nguyện vọng được ở với bà Tr, nên giao cho bà Tr tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà Tr không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời ghi nhận ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Tr xác định không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

[2.4] Về nợ chung: Bà Tr xác định không có nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Tr với bị đơn ông Trần Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Tr được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Ngọc Tr tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 08/9/2011 và cháu Trần Thị Bảo Ng, sinh ngày 12/12/2008. Tạm thời ghi nhận ông Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con của cha mẹ đối với con chưa thành niên Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc Tr phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Tr đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0018242 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CĐ, tỉnh Long An.

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Ngọc Tr và ông Trần Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Ngọc Thám**